

### Điều khoản tham chiếu

<b>Vị trí:</b>	(Nhóm) Tư vấn/Đơn vị tư vấn cung cấp dịch vụ chụp ảnh và quay video phục vụ công tác truyền thông và tư liệu hóa, tập trung các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (DNVVN&SN) do phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) làm chủ, các hợp tác xã và nhóm sản xuất.
<b>Địa điểm:</b>	Hoạt động được triển khai tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và cộng đồng dân tộc thiểu số thuộc tỉnh Lào Cai (trước đây là Yên Bái), với sự linh hoạt tùy theo nhu cầu thực tế. Hoạt động chụp ảnh sẽ được thực hiện tại các hợp tác xã, nhóm sản xuất và khu vực canh tác được lựa chọn — là các đơn vị nhận gói hỗ trợ tăng trưởng sạch của Dự án SPRINT. Địa điểm cụ thể sẽ được xác nhận bởi Chuyên gia Khí hậu, Môi trường, Năng lượng và Quản lý gói hỗ trợ.
<b>Thời gian:</b>	Tháng 4/2026 – Tháng 3/2027
<b>Báo cáo cho:</b>	Cán bộ truyền thông và học tập
<b>Dự án:</b>	Dự án Thúc đẩy khả năng chống chịu, bao trùm và chuyển đổi sáng tạo của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SPRINT)
<b>Mã hoạt động:</b>	

#### 1. Thông tin chung

Dự án Thúc đẩy khả năng chống chịu, bao trùm và chuyển đổi sáng tạo của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SPRINT) được tài trợ bởi Bộ Các vấn đề Toàn cầu Canada (GAC), triển khai và quản lý bởi Cowater International. Dự án được triển khai tại Lào Cai trong giai đoạn 2024 – 2029.

Cowater International là một công ty tư vấn phát triển quốc tế hàng đầu, được thành lập vào năm 1985. Có trụ sở chính tại Ottawa, Cowater International đã triển khai thành công hơn 2.500 dự án tại trên 95 quốc gia. Cowater hợp tác với các chính phủ, khu vực tư nhân và cộng đồng để thực hiện các dự án nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường năng lực thể chế, cải thiện môi trường và thúc đẩy bình đẳng cơ hội cho tất cả mọi người.

(Website: <https://www.cowater.com/en/home/>)

- **Giới thiệu về Dự án SPRINT:**

Mục tiêu tổng thể: Nâng cao phúc lợi kinh tế xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) thông qua tăng trưởng sạch trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Hai mục tiêu cụ thể bao gồm: (i) Cải thiện hiệu quả của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, hợp tác xã và tổ/ nhóm sản xuất có nhiều lao động là phụ nữ DTTS trong chuỗi giá trị có khả năng đáp ứng nhu cầu của từng giới và chống chịu với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp, (ii) Tăng cường vai trò của phụ nữ DTTS đối với tăng trưởng kinh tế sạch trong lĩnh vực nông nghiệp

Với mục tiêu tổng thể là nâng cao phúc lợi kinh tế - xã hội cho phụ nữ DTTS thông qua tăng trưởng sạch trong lĩnh vực nông nghiệp tại Lào Cai, Dự án SPRINT hướng tới hai kết quả chính khi làm việc với 20.000 phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số đang hoạt động trong các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (DNVVN&SN), hợp tác xã và nhóm sản xuất thuộc các chuỗi giá trị nông sản – thực phẩm. Dự án thúc đẩy nâng cao nhận thức và áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp các-bon thấp, thích ứng và chống chịu tốt với biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng tái tạo và hiệu quả; nâng cao nhận thức về các rào cản đặc thù về giới; đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho tăng trưởng sạch, thích ứng và bao trùm (thông qua các nền tảng thương mại điện tử, gói hỗ trợ tăng trưởng sạch, các sự kiện học tập và hoạt động chia sẻ tri thức).

Dự án SPRINT triển khai tại 38 xã/phường, trước đây thuộc 5 huyện (Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn) và thành phố Yên Bái của tỉnh Yên Bái. Các bên liên quan chính của dự án bao gồm: Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (PPC), Liên minh Hợp tác xã tỉnh Lào Cai (PCA), Hội Liên hiệp Phụ nữ (WU), Sở Nông nghiệp và Môi trường (DAE), và Sở Công Thương (DOIT).

Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của Dự án SPRINT là các MSMEs, hợp tác xã và nhóm sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp do phụ nữ DTTS làm chủ hoặc tập trung vào phụ nữ DTTS.

Để đạt được các mục tiêu này, dự án triển khai các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực, tập trung vào nâng cao hiểu biết tài chính, thực hành kinh doanh có trách nhiệm giới, và chiến lược tăng trưởng sạch cho các MSMEs/hợp tác xã/nhóm sản xuất do phụ nữ hoặc phụ nữ DTTS làm chủ, hoặc có đông lao động nữ hay nhiều hộ gia đình dân tộc thiểu số tham gia. Dự án tập trung vào tám (08) chuỗi giá trị nông nghiệp ưu tiên gồm: rau, chè, măng tre, táo mèo (sơn tra), quế, gạo nếp, dâu tằm và dược liệu.

Thông qua việc áp dụng các phương thức tăng trưởng sạch nhằm nâng cao năng suất đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường, dự án chú trọng tăng cường sự tham gia kinh tế và vai trò lãnh đạo của phụ nữ DTTS — những chủ thể trung tâm trong sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị nhưng thường gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận thị trường, công nghệ và các nguồn lực.

## 2. Mục tiêu của gói tư vấn

Gói tư vấn này được thiết kế nhằm hỗ trợ triển khai các hoạt động sau:

Hoạt động 1122: Các gói hỗ trợ giải pháp tăng trưởng sạch (tập trung vào nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu và các-bon thấp) được đồng thiết kế và thử nghiệm với các DNVVN&SN, hợp tác xã và nhóm sản xuất tập trung nhiều phụ nữ DTTS

Hoạt động 1132: Các gói hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong tăng trưởng sạch được thiết lập và hướng tới các DNVVN&SN, hợp tác xã và nhóm sản xuất tập trung nhiều phụ nữ DTTS

Hoạt động 1131.2: Đúc kết bài học kinh nghiệm và tài liệu hóa mô hình mẫu nhằm chứng minh tính khả thi về kinh tế, thích ứng khí hậu, nhạy cảm giới và trao quyền kinh tế cho phụ nữ (đặc biệt là phụ nữ DTTS) của một số chuỗi giá trị ưu tiên (dự kiến 2 chuỗi: Chè và Măng tre). Hoạt động này có liên kết với hoạt động 1113.5 của Dự án.

Gói tư vấn có các mục tiêu cụ thể như sau:

- (i) ghi nhận và tài liệu hóa các can thiệp tại các đơn vị nhận gói hỗ trợ tăng trưởng sạch trong 3/8 chuỗi giá trị ưu tiên của Dự án;

(ii) ghi hình trực quan những cải thiện trong thực hành sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị;

(iii) làm nổi bật sự tham gia và trao quyền của phụ nữ dân tộc thiểu số; và

(iv) cung cấp các tư liệu hình ảnh chất lượng cao phục vụ công tác truyền thông và chia sẻ kiến thức.

Gói tư vấn sẽ xây dựng một bộ ảnh toàn diện và video tư liệu nhằm ghi lại một cách trực quan:

- Những thay đổi tại các khu vực sản xuất nông nghiệp của DNVVN&SN /hợp tác xã/nhóm sản xuất tập trung vào phụ nữ DTTS được nhận gói hỗ trợ tăng trưởng sạch;
- Các thực hành canh tác bền vững và cải tiến trong các chuỗi giá trị được lựa chọn (ví dụ: chè, quế, măng tre, táo bản địa/sơn tra, rau, gạo nếp, dầu tằm và dược liệu);
- Các câu chuyện con người, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số và các bên liên quan khác đang tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất;
- Sự chuyển biến theo mùa của cây trồng trước, trong và sau thu hoạch (trong các giai đoạn từ trồng, thu hoạch, chế biến, sản phẩm cuối cùng,...).

### 3. Kết quả kỳ vọng

Sản phẩm bàn giao dự kiến của gói tư vấn bao gồm một bộ ảnh hoàn chỉnh, được cấu trúc bài bản cho từng chuỗi giá trị được hỗ trợ, bao quát ba giai đoạn chụp ảnh (trước mùa vụ, trong mùa vụ và sau mùa vụ), cũng như ghi nhận sự tham gia của các cá nhân trong hoạt động sản xuất, cụ thể như sau:

#### 3.1. Bộ ảnh

- Tối thiểu **300 ảnh** được tuyển chọn kỹ lưỡng, cân chỉnh màu sắc và biên tập chuyên nghiệp (03 chuỗi giá trị x 100 ảnh), với độ phân giải cao (tối thiểu 300 dpi), được bàn giao ở định dạng JPG và/hoặc PNG.

- Bộ ảnh cần đảm bảo sự cân đối giữa các loại hình ảnh sau:

- Ảnh phong cảnh, góc rộng;
- Ảnh trung cảnh thể hiện thực hành canh tác và các giải pháp tăng trưởng sạch;
- Ảnh cận cảnh chi tiết (cây trồng, công cụ, bàn tay, kỹ thuật sản xuất);
- Ảnh chân dung và ảnh tự nhiên ghi lại khoảnh khắc người dân tham gia hoạt động sản xuất.

Lưu ý: Bộ ảnh cần thể hiện đầy đủ các yếu tố then chốt của chuỗi giá trị và các can thiệp của dự án, bao gồm và không giới hạn ở: công nghệ và thiết bị nông nghiệp; hoạt động chế biến và gia tăng giá trị; sự tham gia của hợp tác xã và cộng đồng; cũng như vai trò của phụ nữ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số trong các hoạt động được dự án hỗ trợ.

- Mỗi chuỗi giá trị và mỗi giai đoạn chụp ảnh cần có **danh mục chú thích ảnh** kèm theo. Mỗi chú thích phải bao gồm:

- Địa điểm (tỉnh/xã/phường); tên đơn vị chụp (Ví dụ: Hợp tác xã XXX)
- Loại cây trồng/chuỗi giá trị;

3

- Mô tả ngắn gọn về hoạt động được ghi lại;
- Giai đoạn chụp (trước/trong/sau mùa vụ);
- Ngày chụp.

### 3.2. Tư liệu video thô

- Tối thiểu **180 phút tư liệu video thô có thể sử dụng được cho mỗi chuỗi giá trị** (03 chuỗi giá trị), bao quát toàn bộ chu kỳ sản xuất nông nghiệp.
- Định dạng: MP4
- Độ phân giải: tối thiểu Full HD (1920×1080)
- Tốc độ khung hình: 25–30 fps

Các đoạn phim cần được sắp xếp có hệ thống và đảm bảo đủ nội dung để phục vụ sản xuất các video truyền thông ngắn, phim tài liệu, clip mạng xã hội và tài liệu báo cáo của Dự án SPRINT. Mỗi đoạn quay nên có thời lượng tối thiểu 10–15 giây để đảm bảo thuận lợi cho quá trình biên tập, đồng thời cần có cấu trúc đặt tên tệp cơ bản, rõ ràng.

### 3.3. Video phim tài liệu

- Sản xuất **02 video theo phong cách phim tài liệu**, có lồng tiếng minh họa, mỗi video có thời lượng khoảng 10 phút, làm nổi bật hành trình phát triển của hai chuỗi giá trị măng tre và chè được Dự án SPRINT hỗ trợ.
- Nội dung video cần ghi lại các giai đoạn thay đổi chính, bao gồm và không giới hạn ở:
  - Bối cảnh sản xuất;
  - Việc triển khai các giải pháp tăng trưởng sạch;
  - Cải tiến trong thực hành canh tác;
  - Kết quả đạt được của hợp tác xã và người nông dân.

Video cần áp dụng phương pháp kể chuyện lấy con người làm trung tâm (có thể bao gồm phỏng vấn khi cần thiết), đặc biệt nhấn mạnh sự tham gia của cộng đồng dân tộc thiểu số và phụ nữ; đồng thời lồng ghép hình ảnh về hoạt động sản xuất, cảnh quan và trải nghiệm của các đối tượng thụ hưởng.

Mỗi video được bàn giao ở định dạng Full HD (1920×1080) và kèm theo toàn bộ tư liệu video thô đã quay trong quá trình thực hiện.

#### Lưu ý về bản quyền hình ảnh:

Tất cả hình ảnh được thực hiện trong phạm vi gói tư vấn này sẽ thuộc quyền sở hữu của Dự án SPRINT. Dự án có toàn quyền sử dụng các hình ảnh này cho mục đích truyền thông, báo cáo, xuất bản và vận động chính sách phi thương mại theo đúng các điều khoản của hợp đồng.

- Tệp ảnh sẽ được bàn giao thông qua nền tảng lưu trữ đám mây (Google Drive, OneDrive, v.v.) hoặc ổ cứng ngoài, theo thỏa thuận với đầu mối phụ trách của Dự án SPRINT; 4
- Tất cả hình ảnh phải là sản phẩm gốc, chưa từng được công bố và không vi phạm hoặc chịu bất kỳ khiếu nại bản quyền nào từ bên thứ ba.

#### 4. Nhiệm vụ cụ thể và sản phẩm đầu ra

Lưu ý: Các sản phẩm đầu ra của tư vấn sẽ được trình bày bằng tiếng Việt

ST T	Nhiệm vụ cụ thể	Mô tả	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch và lịch trình chụp ảnh chi tiết (phối hợp với SPRINT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Rà soát TOR và các tài liệu liên quan của dự án;</li> <li>- Phối hợp với SPRINT để xác nhận chuỗi giá trị, địa điểm, đối tượng thụ hưởng và lịch mùa vụ;</li> <li>- Xây dựng kế hoạch chụp ảnh và quay phim chi tiết, bám sát ba giai đoạn: trước mùa vụ – trong mùa vụ – sau mùa vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch làm việc chi tiết (bao gồm lịch trình và địa điểm thực hiện).</li> </ul>	Tháng 5/2026 (trong vòng 1–2 tuần sau khi ký hợp đồng).
2	Chụp ảnh theo mùa vụ (trước – trong – sau mùa vụ) trong các giai đoạn cụ thể (Xem bảng chi tiết ở bên dưới)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các chuyến công tác thực địa xuyên suốt toàn bộ chu kỳ sản xuất nông nghiệp nhằm ghi nhận hiện trạng ban đầu của khu vực canh tác và cảnh quan;</li> <li>- Ghi lại giai đoạn đầu vụ như làm đất, chuẩn bị vật tư và các hoạt động chuẩn bị sản xuất;</li> <li>- Ghi nhận quá trình sinh trưởng của cây trồng, hoạt động chăm sóc và việc áp dụng các thực hành canh tác sạch, bền vững;</li> <li>- Ghi lại hình ảnh người nông dân trực tiếp lao động, sự tương tác với hợp tác xã và cán bộ kỹ thuật, đảm bảo cách tiếp cận kể chuyện lấy con người làm trung tâm;</li> <li>- Ghi nhận hoạt động thu hoạch, xử lý sau thu hoạch, bảo quản và sơ chế; ghi lại hình ảnh cuối vụ của cây trồng và khu vực sản xuất;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Bộ ảnh đã chỉnh sửa, bao quát đầy đủ ba giai đoạn: trước – trong – sau mùa vụ, kèm chú thích hình ảnh đi kèm;</li> <li>-Tập video thô (được sắp xếp và đặt tên có hệ thống).</li> </ul>	Từ tháng 4/2026 đến tháng 02/2027 (theo lịch mùa vụ của từng chuỗi giá trị)

5

		đồng thời thu thập hình ảnh phản ánh kết quả và lợi ích mang lại cho đối tượng thụ hưởng.		
3	Nộp sản phẩm và chỉnh sửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bàn giao ảnh và video thô cho SPRINT theo phương thức đã thống nhất;</li> <li>- Tiếp thu và thực hiện các chỉnh sửa/hợp lý hóa nội dung theo góp ý của SPRINT (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ ảnh và video hoàn chỉnh, được phê duyệt.</li> </ul>	Tháng 3, 2027

**Lịch trình các chuyến công tác thực địa**

(Tư vấn viên/ Đơn vị tư vấn có thể **kết hợp các chuyến đi sao cho phù hợp và cần thiết** nhằm tối ưu hóa hiệu quả triển khai.)

STT	Chuỗi giá trị	Yêu cầu					Số ngày công của tư vấn	Thời hạn bàn giao
		Công đoạn sản xuất	Công đoạn thu hoạch	Công đoạn chế biến	Công đoạn vận chuyển	Công đoạn bán hàng/tiêu thụ		
<b>1. Chè</b>								
a	<b>Thời gian đi chụp</b>	Tháng 3-4 hoặc 8-9 (mùa sinh trưởng mạnh), 1 ngày	Tháng 4-5 hoặc 9-10 (mùa hái chính), 1 ngày	Tháng 4-5 hoặc 9-10 (ngay sau thu hoạch), 1 ngày	Linh hoạt kết hợp cùng ngày chế biến	Quanh năm (Kết hợp phiên chợ/ sự kiện/ lịch giao hàng)	Tổng ít nhất 4-5 ngày	Sau 10 ngày kể từ đợt chụp cuối
b	<b>Tổng số ảnh chụp</b>	120 ảnh	120 ảnh	100 ảnh	50 ảnh	60 ảnh		
c	<b>Số lượng ảnh đạt chất lượng yêu cầu</b>	20 ảnh	25 ảnh	20 ảnh	10 ảnh	15 ảnh		Tối thiểu 90 ảnh đạt chuẩn
d	<b>Thời lượng video quay (bao gồm cả phỏng vấn nhân vật – nếu có)</b>	60-90 phút footage	80-100 phút footage	60-90 phút footage	30-45 phút footage	45-60 phút footage	Tổng tối thiểu 4-6 giờ footage + 1 video hoàn thiện kéo dài 12-15 phút	Sau 20 ngày kể từ đợt quay chụp cuối Bàn giao cùng ảnh (ổ cứng/cloud)
e	<b>Thời gian xử lý hình ảnh</b>						5 ngày	
f	<b>Yêu cầu cụ thể về hình ảnh. Bao gồm nhưng không giới hạn ở:</b>	- Chăm sóc chè shan tuyết (vun gốc, làm cỏ, bón phân hữu cơ) - Cận cảnh búp chè, sương sớm - Toàn cảnh đồi chè, lao động nhóm	- Hái chè đúng kỹ thuật (1 tôm 2 lá) - Phân loại chè tại nương - Giỏ chè đầy, biểu cảm tự nhiên	- Làm héo, sao chè, vò chè thủ công/máy - Ứng dụng máy móc/công nghệ mới - Đóng gói, dán nhãn	- Vận chuyển bằng xe máy/ô tô nhỏ - Giao hàng cho đại lý/HTX - Hình ảnh đảm bảo vệ sinh và vai trò lao động (tuổi tác/...)	- Trưng bày sản phẩm tại hội chợ/OCOP - Tương tác với khách hàng - Ảnh sản phẩm bao bì hoàn thiện (packshot)		
g	<b>Lưu ý về nhân vật xuất hiện</b>	- Tập trung phụ nữ DTTS (có cả nam hỗ trợ), ưu tiên vai trò lãnh đạo/tổ trưởng nhóm - Trang phục lao động dân tộc phù hợp, không dàn dựng						

	<b>trong ảnh, cũng như vấn đề môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng ánh sáng tự nhiên</li> <li>- Thể hiện yếu tố “tăng trưởng sạch”: ví dụ như phân hữu cơ, quy trình an toàn, đảm bảo vệ sinh</li> <li>- Tránh nylon, rác thải nhựa, chi tiết phản cảm trong khung hình</li> </ul>								
<b>2. Quế</b>										
<b>a</b>	<b>Thời gian đi chụp</b>	Tháng 2–4 hoặc 8–9 (trồng mới, chăm sóc), 1 ngày	Tháng 3–5 hoặc 9–11 (mùa bóc vỏ), 1 ngày	Tháng 5 hoặc tháng 10, theo lịch lò sấy/chưng cất, 1 ngày	Linh hoạt kết hợp với lịch chế biến/ chưng cất	Quanh năm (Kết hợp phiên chợ/ sự kiện/ lịch giao hàng)	Tổng ít nhất 4-5 ngày	Sau 10 ngày kể từ đợt chụp cuối		
<b>b</b>	<b>Tổng số ảnh chụp</b>	120 ảnh	130 ảnh	100 ảnh	50 ảnh	60 ảnh				
<b>c</b>	<b>Số lượng ảnh đạt chất lượng yêu cầu</b>	25 ảnh	30 ảnh	20 ảnh	10 ảnh	15 ảnh		Tối thiểu 100 ảnh đạt chuẩn		
<b>d</b>	<b>Thời lượng video quay (bao gồm cả phỏng vấn nhân vật – nếu có)</b>	60–90 phút footage	80–100 phút footage	60–90 phút footage	30–45 phút footage	45–60 phút footage	Tổng tối thiểu 4–6 giờ footage	Sau 10 ngày kể từ đợt chụp cuối Bàn giao cùng ảnh (ổ cứng/cloud)		
<b>e</b>	<b>Thời gian xử lý hình ảnh</b>						3 ngày			
<b>f</b>	<b>Yêu cầu cụ thể về hình ảnh. Bao gồm nhưng không giới hạn ở:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ươm giống, trồng cây quế non</li> <li>- Làm cỏ, tỉa cành, chăm sóc rừng quế</li> <li>- toàn cảnh đồi/rừng quế, lao động nhóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cạo vỏ, bóc vỏ quế đúng kỹ thuật</li> <li>- Cuộn vỏ quế, phơi quế</li> <li>- Cận cảnh thớ vỏ, màu sắc đặc trưng</li> <li>- Hoạt động tập thể của tổ/nhóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại quế thanh, quế vụn</li> <li>- Sấy quế/lò sấy sinh khối</li> <li>- Chưng cất tinh dầu quế (nếu có)</li> <li>- Đóng gói, dán tem truy xuất nguồn gốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu gom quế bó</li> <li>- Vận chuyển bằng xe tải nhỏ/xe máy</li> <li>- Bốc xếp hàng đảm bảo vệ sinh và vai trò lao động (tuổi tác/ giới tính)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưng bày sản phẩm</li> <li>- Giao dịch với đối tác</li> <li>- Ảnh sản phẩm hoàn thiện (packshot)</li> </ul>				
<b>g</b>	<b>Lưu ý về nhân vật xuất hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung phụ nữ DTTS (có cả nam hỗ trợ), ưu tiên vai trò lãnh đạo/tổ trưởng nhóm</li> <li>- Trang phục lao động dân tộc phù hợp, không dàn dựng</li> </ul>								

	<b>trong ảnh, cũng như vấn đề môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng ánh sáng tự nhiên</li> <li>- Thể hiện yếu tố “tăng trưởng sạch”: ví dụ như phân hữu cơ, quy trình an toàn, đảm bảo vệ sinh</li> <li>- Tránh nylon, rác thải nhựa, chi tiết phản cảm trong khung hình</li> </ul>								
<b>g</b>	<b>Lưu ý về nhân vật xuất hiện trong ảnh, cũng như vấn đề môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung phụ nữ DTTS (có cả nam hỗ trợ), ưu tiên vai trò lãnh đạo/tổ trưởng nhóm</li> <li>- Trang phục lao động dân tộc phù hợp, không dàn dựng</li> <li>- Sử dụng ánh sáng tự nhiên</li> <li>- Thể hiện yếu tố “tăng trưởng sạch”: ví dụ như phân hữu cơ, quy trình an toàn, đảm bảo vệ sinh</li> <li>- Tránh nylon, rác thải nhựa, chi tiết phản cảm trong khung hình</li> </ul>								
<b>3. Măng tre</b>										
<b>a</b>	<b>Thời gian đi chụp</b>	Tháng 2-3 (chuẩn bị mùa măng) – 1 ngày	Tháng 4-6 (chính vụ) – 1-2 ngày	Tháng 4-8 – 1 ngày	Kết hợp ngày thu hoạch/chế biến	Quanh năm (Kết hợp phiên chợ/ sự kiện/ lịch giao hàng)	Tổng ít nhất 5-6 ngày	Trong vòng 10 ngày sau đợt chụp cuối		
<b>b</b>	<b>Tổng số ảnh chụp</b>	120 ảnh	150 ảnh	100 ảnh	50 ảnh	60 ảnh				
<b>c</b>	<b>Số lượng ảnh đạt chất lượng yêu cầu</b>	25 ảnh	35 ảnh	20 ảnh	10 ảnh	15 ảnh		Tối thiểu 100 ảnh đạt chuẩn		
<b>d</b>	<b>Thời lượng video quay (bao gồm cả phỏng vấn nhân vật – nếu có)</b>	60-90 phút footage	120-150 phút footage (cao điểm chính vụ)	60-90 phút footage	30-45 phút footage	45-60 phút footage	Tổng tối thiểu 4-6 giờ footage + 1 video hoàn thiện kéo dài 12-15 phút	Trong vòng 20 ngày sau đợt chụp cuối Bàn giao cùng ảnh (ổ cứng/cloud)		
<b>e</b>	<b>Thời gian xử lý hình ảnh</b>						6 ngày			
<b>f</b>	<b>Yêu cầu cụ thể về hình ảnh. Bao gồm nhưng không giới hạn ở:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn cảnh rừng tre</li> <li>- Hoạt động dọn thực bì, chăm sóc rừng</li> <li>- Kiểm tra măng non</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào, chặt măng</li> <li>- Làm sạch măng tại rừng</li> <li>- Gửi măng từ rừng/ vùng trồng về điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóc vỏ, luộc măng</li> <li>- Phơi/sấy măng khô</li> <li>- Chế biến măng chua (nếu có)</li> <li>- Đóng gói sản phẩm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập kết và vận chuyển bằng xe máy/xe tải nhỏ</li> <li>- Điều kiện bảo quản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm măng tươi/măng khô/măng chua</li> <li>- Gian hàng hội chợ/OCOP</li> </ul>				

		- PNDTTS tuần tra/bảo vệ rừng/ vùng trồng	tập kết - Toàn cảnh hoạt động thu hoạch			- Ảnh lifestyle món ăn từ măng		
<b>g</b>	<b>Lưu ý về nhân vật xuất hiện trong ảnh, cũng như vấn đề môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung phụ nữ DTTS (có cả nam hỗ trợ), ưu tiên vai trò lãnh đạo/tổ trưởng nhóm</li> <li>- Trang phục lao động dân tộc phù hợp, không dàn dựng</li> <li>- Sử dụng ánh sáng tự nhiên</li> <li>- Thể hiện yếu tố “tăng trưởng sạch”: ví dụ như phân hữu cơ, quy trình an toàn, đảm bảo vệ sinh</li> <li>- Tránh nilon, rác thải nhựa, chi tiết phản cảm trong khung hình</li> </ul>						
<b>Tổng số ngày công</b>						<b>27-30 ngày</b>		

## 5. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Tư vấn

Tiêu chí	Yêu cầu
Kinh nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tối thiểu 3–5 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực nhiếp ảnh và/hoặc tư liệu hình ảnh;</li> <li>- Ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm thực hiện các sản phẩm truyền thông trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, môi trường, can thiệp chuỗi giá trị hoặc các dự án phát triển;</li> <li>- Có kinh nghiệm làm việc tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi; đặc biệt là với các DNVVN&amp;SN tập trung vào phụ nữ DTTS, hợp tác xã và cộng đồng DTTS;</li> <li>- Có kinh nghiệm hợp tác với các dự án phát triển quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGOs), nhà tài trợ hoặc chương trình của cơ quan nhà nước là một lợi thế;</li> <li>- Có khả năng xây dựng câu chuyện hình ảnh thể hiện rõ sự thay đổi theo thời gian và liên kết hình ảnh với các kết quả phát triển;</li> <li>- Có khả năng đi công tác và thực hiện hoạt động thực địa tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa nơi dự án triển khai (trong phạm vi tỉnh Lào Cai).</li> </ul>
Kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng vững vàng trong chụp ảnh lưu trữ tài liệu và kể chuyện bằng hình ảnh, bao gồm khả năng ghi lại hình ảnh lấy con người làm trung tâm và các khoảnh khắc hoạt động thực tế;</li> <li>- Có khả năng bố cục và chụp đa dạng các loại hình ảnh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ảnh phong cảnh, góc rộng;</li> <li>• Ảnh trung cảnh thể hiện thực hành canh tác và các hoạt động can thiệp;</li> <li>• Ảnh cận cảnh chi tiết (cây trồng, bàn tay, công cụ, kỹ thuật);</li> </ul> </li> <li>- Thành thạo hậu kỳ và chỉnh sửa ảnh, bao gồm cân chỉnh màu sắc và chỉnh sửa cơ bản, đồng thời đảm bảo giữ được tính chân thực của chụp ảnh lưu trữ tài liệu.</li> </ul>
Thiết bị	<p>(Nhóm) Tư vấn/Đơn vị cung cấp dịch vụ phải có khả năng tiếp cận và sử dụng các thiết bị chuyên nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ ống kính đa dạng, phù hợp với điều kiện tác nghiệp thực địa (ống kính góc rộng, ống kính zoom tiêu chuẩn và ống kính tele);</li> <li>• Phần mềm chỉnh sửa ảnh và quản lý tệp có bản quyền (ví dụ: Adobe Lightroom, Photoshop hoặc phần mềm tương đương);</li> <li>• Các phụ kiện cơ bản phục vụ điều kiện làm việc ngoài thực địa (chân máy, kính lọc, thiết bị bảo vệ...);</li> <li>• Micro rời hoặc thiết bị ghi âm cơ bản (khi cần thiết cho phỏng vấn);</li> <li>• Dung lượng lưu trữ phù hợp để bảo quản các tệp video thô.</li> </ul>

	(Nhóm) Tư vấn viên/Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm đảm bảo toàn bộ thiết bị luôn ở tình trạng hoạt động tốt trong suốt thời gian thực hiện hoạt động.
--	--

## 6. Quy trình nộp hồ sơ

Hình thức đấu thầu cạnh tranh sẽ được áp dụng. Các (nhóm) tư vấn/đơn vị tư vấn quan tâm vui lòng gửi hồ sơ về địa chỉ: **procurement@sprint-vietnam.com** trước **17:00 ngày 28/04/2026**, bao gồm:

- Thư bày tỏ quan tâm (Letter of Interest);
- CV của tư vấn viên/CV của các nhân sự chủ chốt;
- Đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính;
- Hồ sơ năng lực (portfolio) các sản phẩm nhiếp ảnh có liên quan.

**Lưu ý:** Đề xuất tài chính cần được xây dựng dựa trên phạm vi công việc và các yêu cầu nêu trên (đã bao gồm toàn bộ các loại thuế áp dụng). Mức kinh phí này không bao gồm chi phí đi lại và lưu trú của tư vấn viên (nếu phát sinh trong quá trình công tác thực địa).

Cowater cam kết tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả các ứng viên. Phụ nữ, người khuyết tật và người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số được đặc biệt khuyến khích nộp hồ sơ.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý vị trong việc cùng Cowater International xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.